



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Tập 15, Số 8 (2018): 28-35

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

JOURNAL OF SCIENCE

SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

Vol. 15, No. 8 (2018): 28-35

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: <http://tckh.hcmue.edu.vn>

BẢN SẮC VĂN HÓA LÀNG QUÊ TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH

*Phạm Thị Ron**

Trường Đại học Sài Gòn

Ngày nhận bài: 19-4-2018; ngày nhận bài sửa: 07-8-2018; ngày duyệt đăng: 24-8-2018

TÓM TẮT

Trong lịch sử thi ca Việt Nam, vẻ đẹp của văn hóa làng quê đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận và là một đề tài xuyên suốt sáng tác của các nhà thơ. Mỗi thời kì, đề tài làng quê đều có những tác giả và tác phẩm đặc sắc. Giữa muôn vàn những nhà thơ viết về làng quê ấy, có lẽ Nguyễn Bình vẫn “chân quê” hơn cả. Tìm hiểu các sáng tác của Nguyễn Bình sẽ giúp ta nhận ra nét đẹp của làng quê Việt Nam và đánh giá chính xác hơn những đóng góp của Nguyễn Bình trong dòng chảy thơ ca nước nhà.

Từ khóa: bản sắc văn hóa, làng quê, nghệ thuật, thơ Nguyễn Bình.

ABSTRACT

The village's cultural in Nguyen Binh's poem

In the history of Vietnamese poetry, the beauty of village culture has become an endless source of inspiration and main topic of poets. During each historical period, there were plenty of outstanding works about villages written by various authors. Among these poets, Nguyen Binh is the most “rustic”. Learning about the works of Nguyen Binh will bring us the opportunity to recognize the beauty of Vietnamese villages and more accurately evaluate his contribution to the flow of national poetry.

Keywords: art, cultural identity, Nguyen Binh's poem, village.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa làng quê là cội nguồn, là một nét đẹp trong bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhìn chung, bản sắc văn hóa làng quê thể hiện rõ nhất ở vẻ đẹp của thiên nhiên, ở tôn giáo tín ngưỡng, ở phong tục lễ hội và tâm hồn, tính cách của người Việt. Xét về phương diện nội dung và nghệ thuật của việc thể hiện bản sắc văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bình, ta dễ dàng nhận thấy ông đã kế thừa và học tập ngôn ngữ, tinh thần dân tộc từ kho tàng ca dao dân ca. Thơ Nguyễn Bình vừa nhẹ nhàng, cổ kính gần với lời nói mộc mạc, dân quê lại vừa có hơi hướng hiện đại. Ở bài báo này, chúng tôi sẽ tập trung làm nổi bật những độc đáo về bản sắc văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bình.

* Email: phamdon0203@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. *Vẻ đẹp của văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bính*

Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa riêng. Bản sắc văn hóa vì thế được xem là cơ sở tồn tại và làm nên diện mạo cho quốc gia, dân tộc. Việt Nam là một nước nông nghiệp với nghề trồng lúa nước lâu đời. Chính nền văn minh ấy đã tạo nên những giá trị bền vững, nét đặc sắc của cộng đồng người nơi đây. Đối với người Việt, bản sắc văn hóa làng quê là nơi nuôi dưỡng, lưu giữ mọi truyền thống tốt đẹp. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng, lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình đạo lí. Ngoài ra, làng quê và văn hóa làng quê Việt Nam còn gắn với cảnh sắc quê hương tươi đẹp; đó là cánh đồng lúa xanh xanh, dậu mồng toi chín đỏ, giàn thiên lí ngát hương hay hàng cau liên phòng. Mỗi thi nhân đều có một làng quê rất đặc sắc: “Người ta có thể tìm thấy nhiều làng quê với vẻ đẹp riêng. Một làng biển trong thơ Tế Hanh, miền quê Hà Tĩnh trong thơ Huy Cận, Nam Trân thì hay viết về xứ Huế.” (Phan Cự Đệ, 1997, tr.82). Làng trong thơ Nguyễn Bính cũng vậy, nó đâu chỉ là sản phẩm của một nền tổ chức chính trị nhà nước mà nó là sản phẩm mang vẻ đẹp bản sắc văn hóa Việt. Trong công trình nghiên cứu của mình, Phan Cự Đệ từng nhận định về thơ Nguyễn Bính: “Nhiều nhà Thơ mới, đặc biệt Nguyễn Bính đã mang đến cái hương đồng gió nội đậm đà của làng quê Việt Nam và cái không khí quen thuộc của ca dao.” (Phan Cự Đệ, 1982, tr.571).

Sinh ra từ làng quê, uống nước con sông quê, trong những bài thơ của mình, chàng thi sĩ đồng quê Nguyễn Bính dành một vị trí khá trang trọng cho thiên nhiên. Đó là tiếng chim tu hú gọi mùa hè về với cái nắng chang chang, sắc đỏ của hoa gạo hoa xoan quấn quýt vào nhau làm bừng sáng cả một khoảng trời: “*Trưa hè trời đã nắng chang chang/ Tu hú vừa kêu, vãi mới vàng/ Hoa gạo tàn đi cho sắc đỏ/ Nhập vào sắc đỏ của hoa xoan*” (Cuối tháng ba). Không gian ấy là không gian thiên nhiên của đồng bằng Bắc Bộ. Vào mùa thu có lá úa rơi từng trận, giăng mắc mọi nẻo đường còn mùa xuân xuất hiện những cơn mưa phơi phơi mang theo cả linh hồn trời đất: “*Sớm mai lá úa rơi từng trận/ Bắt gặp mùa thu khắp nẻo đường*” (Bắt gặp mùa thu) hay: “*Bữa ấy mưa xuân phơi phơi bay/ Hoa xoan lóp lóp rụng rơi đầy*” (Mưa xuân).

Không gian phong tục, lễ hội trong thơ Nguyễn Bính thường gắn liền với không gian sinh hoạt. Đối với người Việt, nghề lúa nước mang tính thời vụ cao. Trước và trong mùa gặt, họ vất vả “*một nắng hai sương*” với thửa ruộng, với con trâu; thế nhưng sau mỗi mùa vụ ai nấy đều thông dong, rảnh rỗi. Bởi vậy mà ở Việt Nam, tết nhất đã nhiều, hội hè cũng lắm. Trong thơ Nguyễn Bính, Tết là một trong những lễ hội được nhắc đến nhiều nhất: “*Tết đến mẹ tôi vất vả nhiều/ Mẹ tôi lo liệu đủ trăm điều*” (Tết của mẹ tôi). Nếu mùa xuân là mùa của lễ Tết thì mùa thu lại là mùa rộn ràng của những ngày hội. Trong rừng thơ của mình, Nguyễn Bính dành nhiều trang để tả về hội làng với bầu không khí hân hoan, tấp nập: “*Hội làng mở giữa mùa thu/ Giời cao gió cả giăng như ban ngày*” (Đêm cuối cùng).

Có thể xem bản sắc văn hóa như là sự thể hiện phẩm chất nhân văn của một dân tộc trong tính riêng biệt, đặc trưng của dân tộc đó. Đây cũng là lí do vì sao Hà Minh Đức nhận định: “Nguyễn Bính là thi sĩ của đồng quê. Con người và cảnh vật của làng quê thấm đượm hồn quê” (Hà Minh Đức, 1995, tr.19). Thật vậy, trong thơ Nguyễn Bính, vẻ đẹp của con người Việt Nam bừng sáng đến lạ kì với đủ mọi lứa tuổi, đủ mọi dáng vẻ khác nhau. Sự bình dị chân quê ấy được thể hiện rõ nhất qua trang phục (cái yếm lụa sồi, chiếc khăn mỏ quạ, cái quần nái đen) và trong văn hóa ứng xử; trong tính cách và vẻ đẹp tâm hồn của người Việt. Cuộc sống nông nghiệp lúa nước hình thành nên bản chất hiền lành, chăm chỉ của những con người ở làng quê. Những người bà, người mẹ, người chị lặng lẽ hi sinh cho chồng, cho con, cho em. Người chị chưa dám mơ đến hạnh phúc của đời mình, bởi chị còn canh cánh một nỗi lo cho mẹ già và em dại: “*Chưa trọn đạo con tròn nghĩa chị/ Lòng nào dám tưởng tới tình duyên*” (Lòng nào dám tưởng); hay hình ảnh người vợ chạy ngược chạy xuôi, buồn thúng bán bưng, tiết kiệm từng đồng để cho chồng thỏa ước vọng công danh: “*Một quan là sáu trăm đồng/ Chắt chiu thán thán cho chồng đi thi*” (Thời trước).

Tóm lại, không gian văn hóa làng quê và con người chân quê trong thơ Nguyễn Bính mang vẻ đẹp của bản sắc văn hóa Việt. Phong cảnh trữ tình nên thơ ở thôn quê với những phong tục tập quán, lễ hội lâu đời đã hình thành nên tính cách hồn hậu, chân thực, nghĩa tình của người nhà quê. Đọc thơ Nguyễn Bính ta thấy hiểu và yêu thêm những giá trị truyền thống và vẻ đẹp văn hóa của dân tộc Việt Nam.

2.2. Cách thể hiện văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bính

2.2.1. Sử dụng thể thơ truyền thống của dân tộc

Bản sắc văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bính được thể hiện ở cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Thơ ông không chỉ tràn ngập những cảnh sắc thiên nhiên, hình ảnh của con người quê bình dị hay những lễ hội, phong tục truyền thống mà vẻ đẹp văn hóa làng quê còn thể hiện trong việc sử dụng thể thơ dân tộc vào những sáng tác của mình. Nếu người Nhật có thơ Haiku, người Pháp có thơ Xone, Trung Quốc có thơ Đường luật thì Việt Nam chúng ta thật tự hào bởi thể thơ lục bát. Giữa lúc các nhà Thơ mới mài miết đi tìm dáng tân kì hiện đại cho nòng cốt của mình thì Nguyễn Bính lại đắm say với lục bát dân tộc. Tìm hiểu những sáng tác của Nguyễn Bính giai đoạn trước và sau cách mạng tháng Tám, chúng tôi nhận thấy trong thơ ông sử dụng đa dạng các thể thơ, bao gồm: thơ lục bát, thơ năm chữ, thơ bảy chữ và thơ Đường luật. Nhưng thành công hơn cả khi nhắc đến Nguyễn Bính là nhắc đến một nhà thơ có tài năng thiên bẩm về lục bát. Qua khảo sát 90 bài thơ của Nguyễn Bính thì có đến 43 bài sử dụng thể lục bát (chiếm 47,78%). Nguyễn Tấn Long khi so sánh thơ Nguyễn Bính với nguồn mạch Thơ mới đã nhận ra ở Nguyễn Bính có: “mạch thơ như nguồn nước chảy tuôn, tác giả đã sử dụng thơ lục bát tạo âm điệu nhẹ nhàng êm dịu, buồn lâng lâng len sâu vào tiềm thức, khơi dậy niềm xúc cảm nghẹn ngào” (Nguyễn Tấn Long, 1986, tr.281).

Thơ lục bát của người Việt ưa ngắt nhịp chẵn, tức là câu lục thường ngắt nhịp 2/2/2 hoặc 3/3 và câu bát 2/2/2/2 hoặc 4/4:

*Cô kia/ tát nước/ bên đàng.
Sao cô/ múc ánh/ trăng vàng/ đổ đi*

(Ca dao)

Nguyễn Bính đã tuân thủ theo cách ngắt nhịp mềm mại, uyển chuyển và đầy duyên dáng của ca dao truyền thống để làm giàu cho những trong sáng tác của mình:

*Bướm ơi!/ Bướm hãy vào đây,
Cho tôi/ hỏi nhỏ/ câu này/ bướm ơi.*

(Người hàng xóm)

Tìm hiểu các sáng tác của Nguyễn Bính, ta thấy bóng dáng những câu ca dao quen thuộc đan xen vào vần thơ lục bát của ông. Nếu ca dao có câu: “*Em về dọn quán bán hàng / Để anh là khách qua đàng trú chân*” thì trong thơ Nguyễn Bính lại có câu: “*Lòng em là quán bán hàng / Dừng chân cho khách qua đàng mà thôi*” (Em với anh).

Con đò, dòng sông, cây đa, bến nước... là những hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam và khi bước vào thơ của Nguyễn Bính nó cũng mang màu sắc và cách diễn đạt của ca dao: “*Tương tư thức mấy đêm rồi,/ Biết cho ai biết, ai người biết cho!/ Bao giờ bến mới gặp đò?/ Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?*” (Tương tư).

Thơ lục bát vừa gieo vần chân vừa gieo vần lưng, tiếng cuối câu lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu câu bát, tiếng cuối câu bát lại gieo vần xuống tiếng cuối câu lục tiếp theo, thành ra câu tám có hai vần, một yêu vận ở chữ thứ sáu và một cước vận ở chữ thứ tám như Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Cách hiệp vần trong thơ lục bát truyền thống

Câu lục		1	2	3	4	5	6	
Câu bát	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu lục		1	2	3	4	5	6	
Câu bát	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu lục		1	2	3	4	5	6	

Nguyễn Bính cũng tuân thủ theo quy định này trong bài *Xa cách*: “*Nhà em cách một quả đôi,/ Cách ba ngọn núi, cách đôi cánh rìng./ Nhà em xa cách quá chừng,/ Em van anh đẩy anh đừng thương em*”.

Cách gieo vần truyền thống này giúp đảm bảo được chuẩn mực theo khuôn khổ của thể thơ, vừa giữ vững mức độ hòa âm bảo đảm cho các dòng thơ liên kết với nhau một cách hài hòa, trôi chảy: “*Em ơi! Em ở lại nhà/ Vườn dâu em đón, mẹ già em thương/ Mẹ già một nắng hai sương/ Chị đi một bước trăm đường xót xa*” (Lỡ bước sang ngang).

Cách phối thanh trong thơ lục bát tập trung vào các tiếng 2, 4, 6, 8. Những tiếng này nhất định phải theo bằng trắc cố định, các tiếng còn lại có thể linh động:

Bảng 2. Cách phối thanh trong thơ lục bát truyền thống

	1	2	3	4	5	6	7	8
Câu lục	Bằng	Bằng	Trắc	Trắc	Bằng	Bằng		
Câu bát	Bằng	Bằng	Trắc	Trắc	Bằng	Bằng	Trắc	Bằng

Nguyễn Bính học tập và phối thanh theo hình mẫu đã định của lục bát truyền thống trong bài *Đêm cuối cùng*:

Tình (B) tôi (B) mở (T) giữa (T) mùa (B) thu (B)

Tình (B) em (B) lặng (T) lặng (T) kín (T) như (B) buồng (B) tằm (B)

Lục bát là tinh chất được chắt lọc từ đồng quê nên phù hợp và đồng điệu với tâm hồn người Việt Nam. Tiếp thu lục bát từ trong ca dao dân ca nhưng cũng có khi Nguyễn Bính vượt chuẩn, tìm cách làm giàu cho lục bát dân tộc bằng cách gieo thanh trắc ngay tiếng thứ hai trong bài *Cái quạt*: “Cái **quạt** mười tám cái nan/ Anh **phất** vào đấy muôn vàn nhớ thương”; có khi lại rơi vào tiếng thứ tư của câu trong bài *Tôi còn nhớ lắm*: “Mùa xuân ấy **nàng** xe duyên/ Có đình nổi kiệu, có thuyền đăng hoa”.

Nhưng dù có những vượt chuẩn thì thơ lục bát của Nguyễn Bính vẫn rất tự nhiên, mượt mà, không gò bó, ép vận mà ngược lại đọc thơ Nguyễn Bính ta vẫn như đang được thưởng thức khúc ca êm dịu của ca dao. Nguyễn Bính yêu thiên nhiên, trân trọng nét đẹp của văn hóa làng quê và điều ấy thể hiện rõ nhất ở việc ông nâng niu, trân trọng và đưa thể thơ lục bát dân tộc vào hơn nửa sáng tác của đời mình.

2.2.2. Sử dụng ngôn ngữ dân dã đời thường

Nguyễn Bính không phải là một anh nông dân chính hiệu tay cày tay cuốc, nhưng Đỗ Lai Thúy vẫn yêu mến gọi ông là “thôn dân”. Quả thật, Nguyễn Bính là một người dân quê với đầy đủ ý nghĩa của từ này. Ông được tiếp thu nền văn hóa dân gian từ nhỏ và nâng niu nó trên suốt chặng đường sáng tác thơ của mình. Để hiểu về văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bính thì việc đầu tiên là phải thấy được cái hay cái đẹp của việc sử dụng ngôn ngữ trong thơ ông.

Một trong những phương diện thể hiện bản sắc văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bính là việc sử dụng ngôn ngữ đậm chất đời thường và ngôn ngữ mang phong vị ca dao. Ngôn ngữ ấy xuất hiện nhiều đến nỗi Hoài Thanh cũng phải thốt lên: “Giá Nguyễn Bính sinh ra thời trước, tôi chắc người đã làm những câu ca dao mà người dân quê vẫn hát quanh năm” (Hoài Thanh, Hoài Chân, tái bản 2010, tr.283). Trong thơ ông dày đặc các phương ngữ Bắc Bộ: tr - gi; ch - gi trong các từ (trăng - giăng); (trời - giời); (trầu - giầu); (trổ - giổ); (traí - giai) hay các lớp từ ngữ “chân quê”, lối nói dân dã, mộc mạc; đặc biệt là lối nói khẩu ngữ dân gian như: *rõ khéo, rõ quý, chán tiệt, chết nhẽ, gớm, chả nhẽ, khôn*

thay: “*Nín đi! Mặc áo ra chào họ/ Rõ quý con tôi các chị trông*” (Lòng mẹ); “*Một năm đến lắm là ngày/ Mùa thu mùa cốm vào ngay mùa hồng/ Từ ngày cô đi lấy chồng/ Gồm sao có một quãng đồng mà xa*” (Qua nhà).

Ngoài ra, Nguyễn Bính còn sử dụng rất nhiều các thành ngữ dân gian như: *chín nhớ mười mong, bảy nổi ba chìm, một nắng hai sương, một làm hai lỗ, trăm đắng nghìn cay, đi gió về mưa, đón bạc đưa vàng, hồn đơn phách quế*: “*Một đi bảy nổi ba chìm/ Trăm cay nghìn đắng con tim héo mòn*” (Lỡ bước sang ngang); “*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông/ Một người chín nhớ mười mong một người*” (Trương tư).

Không những vậy, ông còn sử dụng rất nhiều từ láy. Từ láy chỉ âm thanh như: *đục đục, lao đao, rì rào, róc rách, rộn ràng, tí tách...* Từ láy chỉ trạng thái: *chang chang, chậm chậm, biêng biếc, hồng hồng, mênh mông, ngào ngạt...* Từ láy chỉ hành động, tính cách của con người: *lang thang, thơ thẩn, vội vàng, vất vả...* Những từ láy trong thơ Nguyễn Bính xuất hiện với tần số cao và quen thuộc với trạng thái của sự vật và hoạt động của những con người bình dân. Những từ ngữ chỉ địa danh của làng quê cũng dày đặc trong các sáng tác, như: *làng, thôn, xóm, con đê, cánh đồng, chùa, đền, bờ ao, giếng nước, bãi sậy, nhà gianh*: “*Hôm qua em đi tỉnh về/ Đợi em ở mãi con đê đầu làng*” (Chân quê); “*Khóa hội chùa Hương đã đóng rồi/ Hội đền Hùng nữa, đám thôn tôi / Thôn tôi vào đám hai ngày chẵn/ Chỉ có chèo không, nhưng cũng vui*” (Cuối tháng ba).

Nguyễn Bính được tôn vinh bằng nhiều danh xưng như: thi sĩ của đồng quê, nhà thơ chân quê, chàng trai chân đất, có lẽ một phần bởi thơ ông sử dụng khá lớn lớp từ ngữ chân quê, dân dã. Những từ ngữ chân quê này đã tạo ra một không khí thấm mĩ độc đáo trong thơ ông, bao bọc lấy thôn làng bé nhỏ trước “con bão thị thành”.

2.2.3. Sử dụng giọng điệu của người nhà quê

Giữa muôn vàn giọng điệu của các nhà Thơ mới, Nguyễn Bính có một chất giọng riêng chẳng lẫn vào ai. Đó là giọng “nhà quê”. Cách cảm, cách nghĩ, cách nói của Nguyễn Bính ta bắt gặp trong đa số những con người bình dân. Cái cách giản dị, mộc mạc và rất chân thành. Nói như nhà văn Tô Hoài: “Giọng anh vừa cất lên người ta đã thấy cái hồn của làng mạc, vườn tược, ruộng đồng” (Tô Hoài, 1986, tr.35). Giọng điệu trong thơ Nguyễn Bính gần gũi với giọng điệu của ca dao: “*Cái gì như thể nhớ mong? Nhớ nàng, không, quyết là không nhớ nàng*” (Người hàng xóm); “*Hôm nay dưới bến xuôi đò/ Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau*” (Cánh buồm nâu).

Lối lối chữ trong ca dao và hát chèo cũng được Nguyễn Bính vận dụng vào trong các sáng tác về làng quê của mình: “*Ngày qua ngày lại qua ngày/ Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng*” (Trương tư).

Giọng điệu của người nhà quê còn thể hiện ở cách kể lể tâm tình và than vãn. Khi nhận định về giọng điệu trong thơ Nguyễn Bính, Lại Nguyên Ân nói rằng: “Ông rất tài nhập vai người khác, nói rất đúng giọng điệu của họ. Ông đã viết rất nhiều thơ và mỗi bài

thơ thật ngắn của ông thường có một câu chuyện” (Lại Nguyên Ân, 2000, tr.127). Đây là hai giọng điệu chủ đạo để những người dân quê phơi bày nỗi đau khổ, bất hạnh hay mong muốn được đồng cảm, sẻ chia: “*Một chút công danh rất hão huyền/ Và dang dở nửa chuyện tình duyên*” (Bắt gặp mùa thu); hay hình ảnh một người tha phương cầu thực và luôn day dứt món nợ với quê nhà; sau bao lần bước đi đều nhận ra rằng, thị thành chỉ là chốn nghỉ chân: “*Chao ôi! Giả dối ôi mĩa mai/ Sống chết phồn hoa một lũ tuồng*” (Xuân vẫn tha phương). Đó là giọng thủ thi, tâm tình của một cô gái nhà quê mới lớn: “*Em là con gái trong khung cửi/ Dệt lụa quanh năm với mẹ già*” (Mưa xuân); giọng kể lể đầy chua xót của người chị dang dở, đắng cay trong *Lỡ bước sang ngang*: “*Chị từ lỡ bước sang ngang/ Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây*”. Cuộc sống của người dân còn nhiều cơ cực, khó khăn nên than vãn là một điều tự nhiên. Cái khổ ấy có khi thuộc về vật chất có khi lại là dần vật tinh thần: “*Nhất kiêng đừng lấy chồng thi sĩ/ Nghèo lắm con ơi! Bạc lắm con!*” (Oan nghiệt); “*Tôi van nhiều đấy gió thu ơi! Rụng lá làm chi? Khổ lắm rồi!! Có giữ cho cành dăm cánh lá,/ Cho tôi còn có nhớ mong người.*” (Lá mùa thu).

Nhận định về thơ Nguyễn Bính, Hoài Việt đã viết: “Khó có thể tìm thấy trong thơ Nguyễn Bính cái giọng hần học hay rên rỉ, bi thiết tuy có lúc phẫn nộ, đắng cay, chua chát nhưng cơ bản vẫn là tình yêu thương” (Hoài Việt, 2003, tr.27). Thơ Nguyễn Bính suy cho cùng vẫn là tình yêu. Tình yêu ấy được thể hiện ở giọng điệu tình cảm, thiết tha. Ông yêu quê hương, yêu nét văn hóa cò truyền của dân tộc. Quê hương là ngọn nguồn, là nơi chôn nhau cắt rốn. Trong cuộc đời ta, có biết bao nhiêu nơi để đến nhưng hẳn chỉ có một nơi để quay về; đó là gia đình, là quê hương. Bởi lẽ đó mà trong thơ Nguyễn Bính, những vần thơ đẹp nhất, giọng điệu trong trẻo nhất là viết về quê hương, về những con người nhà quê: “*Và những tâm hồn nghe rất đẹp/ Cùng chung sống dưới mái nhà tranh*” (Sao chẳng về đây). Đọc những vần thơ ấy, ta thấy hình ảnh chàng thi sĩ đồng quê Nguyễn Bính đang reo lên với giọng điệu rất trong trẻo, yêu đời, trẻ trung và rạo rức. Giọng điệu ấy xuất hiện không nhiều trong thơ Nguyễn Bính và dường như chỉ khi trở về với đồng quê Nguyễn Bính mới vui đến thế.

3. Kết luận

Quê hương của Nguyễn Bính là quê hương của người Việt. Nhờ đó, sáng tác của thi nhân đã “đánh thức người nhà quê ẩn náu trong lòng chúng ta” (Hoài Thanh, tái bản 2010, tr.283) để rồi họ hiểu và yêu hơn nét đẹp muôn đời của văn hóa dân tộc. Bản sắc văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bính được thể hiện rất đa dạng từ nội dung đến hình thức nghệ thuật. Tắm mình trong ca dao dân ca, Nguyễn Bính luôn hướng đến giấc mộng đẹp của làng quê, của cảnh quê và tình quê. Phải chăng, đó là một cái tâm trong vắt được gột rửa bằng dòng nước sông quê, lớn lên từ củ khoai, củ sắn và nghĩa tình của quê hương rồi đem tình yêu ấy mà nhân lên thành thơ. Bản sắc văn hóa làng quê trong thơ Nguyễn Bính chính là những giá trị cao đẹp của hồn cách Việt.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lại Nguyên Ân. (2000). *Nguyễn Bính nhà thơ chân quê*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Nguyễn Bính. (2009). *Tuyển tập*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Phan Cự Đệ. (1997). *Văn học lãng mạn Việt Nam 1932 – 1945*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Hà Minh Đức. (1995). *Nguyễn Bính thi sĩ của đồng quê*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nguyễn Tấn Long. (1986). *Việt Nam thi nhân tiền chiến*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Tô Hoài (Giới thiệu) – Chu Văn (Lời bạt). (1986). *Tuyển tập Nguyễn Bính*. NXB Văn học.
- Hoài Thanh, Hoài Chân. (Tái bản năm 2010). *Thi nhân Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Đỗ Lai Thúy. (Tái bản năm 2000). *Mắt thơ*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Hoài Việt. (1990). *Thi sĩ của thương yêu*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.